**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ**
**TỈNH LÀO CAI**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 12/05/2020
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC HÀ, TỈNH LÀO CAI.**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Thọ
*Các Hội thẩm nhân dân*: + Ông Nguyễn Xuân Giang
+ Bà Nguyễn Thị Thanh

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Hoàng Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15 /2020/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2020 về " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX- ST, ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T - sinh năm:1995.
Địa chỉ: Thôn N 2, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
*2.Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc H - sinh năm 1990.
Địa chỉ: Thôn N 2, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có đơn đề nghị xét xử mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 24/02/2020 và bản tự khai tiếp theo nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày: Chị và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B vào ngày 31/12/2015. Trong quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, mỗi người một ý kiến khác nhau trong quan điểm làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, anh H không tu trí làm ăn, chị T đã góp ý nhiều lần nhưng anh H không nghe, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị và anh H ngày càng trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không

có hạnh phúc. Chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quốc H.

Về quan hệ nuôi con khi ly hôn: Trong quá trình chung sống chị T và anh H có 01 con chung: Cháu tên là Nguyễn Gia B - Sinh ngày 26 tháng 6 năm 2016. Khi ly hôn chị có nguyện vọng đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu B cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2020 bị đơn anh Nguyễn Quốc H trình bầy: Anh hoàn toàn nhất trí với lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh và chị là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong việc làm ăn và phát triển kinh tế gia đình, đã nhiều tháng nay anh, chị không chung sống cùng với nhau, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh, xét thấy tình cảm giữa anh và chị T không còn, nên anh nhất trí ly hôn.

Về quan hệ nuôi con khi ly hôn: Trong thời gian sống chung gữa anh và chị T có 01 con chung. Cháu tên là Nguyễn Gia B - Sinh ngày 26 tháng 6 năm 2016. Khi ly hôn anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu B, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản chung: Anh H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Hà phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Quốc H, giải quyết về tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Anh H có hộ khẩu tại thôn N 2, xã N, huyện B, tỉnh Lào Cai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Trương Thị T và bị đơn là anh Nguyễn Quốc H đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn là hoàn toàn tự nguyện được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi về chung sống anh chị sống hạnh phúc được

một thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau trong cách làm ăn để phát triển kinh tế gia đình. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn thì đã được hai bên gia đình đã khuyên giải nhưng không có sự cải thiện. Hiện tại anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa hai anh chị đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Xét việc yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận giải quyết theo yêu cầu khởi kiện của chị T.

[3] Về nuôi con khi ly hôn: Cả hai anh chị đều thừa nhận có 01 con chung. Cháu tên là Nguyễn Gia B - Sinh ngày 26 tháng 6 năm 2016.

Chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu B, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu B, cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị T và anh H đều có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu B và đều không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh chị đều làm nghề tự do. Tuy nhiên, xét về điều kiện và khả năng nuôi con thì chị T có điều kiện tốt hơn anh H. Bởi lẽ, qua xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy chị T có công việc làm và có mức thu nhập ổn định mỗi tháng từ 5 triệu đến 6 triệu đồng , còn anh H mấy năm gần đây không có công việc gì, không đi làm gì để tự nuôi sống bản thân, sống phụ thuộc vào mẹ đẻ và vợ, thời gian gần đây anh H thường sống khép mình, không giao tiếp với ai. Nếu giao cháu B cho anh H nuôi dưỡng, sẽ không đảm bảo được sự phát triển về thể chất, lẫn tinh thần cho cháu B. Do vậy, nên giao cháu Nguyễn Gia B cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành là hợp lý, phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Tại phiên tòa hôm nay chị T vắng mặt nhưng qua bản tự khai và tại phiên hòa giải, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, đó là sự tự nguyện của chị, nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Quốc H không đề nghị Toà án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Quốc H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30

tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quốc H.

2. Về nuôi con khi ly hôn: Giao cháu Nguyễn Gia B - Sinh ngày 26 tháng 6 năm 2016 cho chị Trương Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng* ) tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002463, ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Hà. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Quốc H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lào Cai ;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bắc Hà;
- CCTHADS huyện Bắc Hà;
- UBND xã Nậm Lúc;
- Lưu HS;THS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thọ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh  Nguyễn Xuân Giang  Trần Thị Thọ**